

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/DS-PT

Ngày 23/8/2024

*V/v tranh chấp thừa kế và  
yêu cầu chia tài sản chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Chí Công

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Văn Thường

Ông Lưu Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2024/QĐ-SCBSBA ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị T; địa chỉ: số 511 Nguyễn Huệ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Hữu Phúc; địa chỉ: 523 Nguyễn Huệ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định (theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 6 năm 2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T (đã chết).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:* Bà Đoàn Thị Ánh T; địa chỉ: 05 Trần Quý C, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Hứa Thị Trung N; địa chỉ: 106 L, tổ 6, phường I, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai (theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 5 năm 2021). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Đoàn Thị Ánh T; địa chỉ: 05 T, phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*Người đại diện ủy quyền:* Bà Trần Thị Bích V; địa chỉ dân phố 3, thị trấn P, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai (theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 5 năm 2024). Có mặt.

3.2. Bà Trần Thị M; địa chỉ: 523 N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N; địa chỉ: khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định (theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 6 năm 2023). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* bà Đoàn Thị T, bà Đoàn Thị Ánh T và bà Trần Thị M.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn trình bày:* Mẹ bà Đoàn Thị T là bà Trần Thị M kết hôn với cha bà T là ông Đoàn Văn T năm 1960, cha mẹ bà T chỉ có bà T là người con duy nhất. Vào khoảng năm 1970 ông T dẫn theo bà T lên Gia Lai do bà M đi lấy chồng khác. Trong thời gian chung sống với ông T thì bà Nguyễn Thị T có sinh một người con gái tên Đoàn Thị Ánh T nhưng không phải là con ruột của cha bà T. Đến năm 1993 ông Đoàn Văn T chết, sau đó bà T1 dẫn một người đàn ông về chung sống. Đến năm 1981 bà T đi lấy chồng về sống tại Bình Định, sau đó mỗi lần bà T về thấp nhang cho cha thì bà T1 không cho bà T vào nhà. Ông T chết để lại di sản là nhà và đất tại 05 Trần Quý C, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Nay bà T yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của ông T theo quy định của pháp luật. Hàng thừa kế của ông T gồm có: Bà Trần Thị M, bà Đoàn Thị T, bà Nguyễn Thị T và bà Đoàn Thị Ánh T. Bà T yêu cầu được nhận % giá trị nhà và đất tại 05 Trần Quý C, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T đã thay đổi yêu cầu là trên đất trước đây có căn nhà nhưng do nhà cũ không còn và không có giá trị nên không yêu cầu chia giá trị căn nhà. Bà T có yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện là được hưởng % di sản thừa kế của bà T1 để lại vì bà T là con riêng của ông T chồng bà T1, bà T cũng đã chung sống với bà T1 và coi nhau như mẹ con.

\* *Bị đơn bà Đoàn Thị Ánh T trình bày:* Sau giải phóng bà T1 ở quê lên làm ăn ở Pleiku, bà T1 ở tại số nhà 113 đường Phan Đình Phùng (nhà của một người quen), cho đến ngày 14/6/1976 bà T1 mới dành dụm tiền mua lại đất, nhà số 05 Trần Quý C, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bây giờ để ở. Nhà mua của bà Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1934 (nay đã chết). Ngày đó chỉ viết bằng giấy tay vì mới giải phóng. Sau đó năm 1977 thì bà T1 lấy ông T, nên đất, nhà số 05 Trần Quý C, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là tài sản

riêng của bà T1. Bà T là con riêng của ông T ở dưới quê với bà nội, nên bà T1 đưa bà nội lên ở để phụng dưỡng thì bà T thỉnh thoảng lên thăm ở lại vài ngày rồi về quê. Sau đó bà T lấy chồng ở quê không lên, bà nội khi ở với ông T, bà T1 đã già lẫn cho đến tháng 6 âm lịch năm 1993 bà nội mất, bà T1 mai táng tại nghĩa trang thành phố Pleiku. Còn ông T phát bệnh năm 1989 bệnh thận nặng, mẹ con bà Tuyết nuôi. Vào ngày 17/12/1993 âm lịch thì ông T chết, được mai táng tại nghĩa trang thành phố Pleiku, bà T hoàn toàn không lên thăm viếng lo lắng đỡ đàn cho bà T1 dù chỉ một ngày. Vậy nên ông T không có di chúc hay nhắn gửi gì trước khi qua đời. Bà T1 đã nhiều lần đi làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được vì đất nằm trong quy hoạch đường giao thông. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T (bị đơn) chết vào ngày 06/6/2018, bà T1 không để lại di chúc, di sản bà T1 để là thửa đất số 05 Trần Quý C, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Riêng căn nhà trước đây đã cũ hư hỏng không còn, bà Tuyết đã xây lại nhà mới tại thửa đất trên và hiện nay bà Tuyết đang sinh sống.

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm bà Tuyết thay đổi ý kiến và thống nhất là: Thửa đất số 05 Trần Quý C, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là tài sản chung của ông T và bà T1, yêu cầu tòa án chia thừa kế di sản của ông T, bà T1 theo quy định của pháp luật.

*\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày:* Ông Đoàn Văn T và bà M yêu thương nhau nhiều năm. Đến năm 1960 thì ông T và bà M kết hôn tại An Nhơn, Bình Định có đăng ký kết hôn. Đến năm 1962 bà M và ông T có con chung là bà Đoàn Thị T, nhưng đến năm 1966 mới đi làm giấy khai sinh cho bà T. Ông T đi lính của chế độ cũ tại Pleiku, khi cư trú tại Pleiku ông T mua nhà 05 Trần Quý C, thị xã Pleiku, tỉnh Gia Lai. Ông T mua nhà thì bà M biết nhưng mua của ai, thời gian nào thì bà M không nhớ. Nhưng bà M chắc chắn là ông T có ngôi nhà 05 Trần Quý C trong thời gian hai người đang là vợ chồng. Vì vợ chồng ở xa nhau nên phát sinh mâu thuẫn, ông T chuyên lên Pleiku sinh sống hẳn từ khoảng năm 1970. Sau khi ông T cư trú tại Pleiku thì năm 1970 bà M cũng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác tại Bình Định và có con lần lượt vào các năm 1971, 1973, 1978 và 1981. Năm 1970 ông T đưa con gái Đoàn Thị T lên ở cùng tại ngôi nhà 05 Trần Quý C, lúc này ông T chưa chung sống với bà Nguyễn Thị T. Con gái bà M là bà T lúc đó còn quá nhỏ nên không biết chính xác nguồn gốc ngôi nhà này. Sau đó, ông T mang bà T1 về sống chung, bà T1 có sinh ra một người con tên là bà Đoàn Thị Ánh T. Đến năm 1981 bà T có chồng thì bà T chủ yếu sống tại nhà chồng tại T, Bình Định. Đến năm 1993 ông T chết bà T về Bình Định quê chồng ở luôn nhưng vẫn lên xuống thăm nom nhà cửa trên Gia Lai. Còn chồng bà T vẫn tiếp tục ở lại ngôi nhà ông T mua để làm nghề mộc. Trong quá trình sinh sống, bà T1 kiếm chuyện nói không muốn cho chồng bà T ở lại. Nên chồng bà T tự ái chuyển ra ở với bạn. Sau đó, thì chồng bà T cũng về Bình Định sinh sống. Nay bà Nguyễn Thị T đã chết năm 2018, bà Đoàn Thị Ánh T kế thừa sử dụng ngôi nhà này, bà M yêu cầu xác định nhà, đất tại thửa đất 05 Trần Quý C là tài sản chung của bà và ông T;

bà yêu cầu được nhận 1/2 tài sản bằng hiện vật. Bà M từ chối nhận di sản thừa kế của ông T.

*\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DSST ngày 24 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

*- Áp dụng: Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 618, Điều 649, Điều 650, Điều 651; Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 49; Điều 166; Điều 167, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013 và Án lệ số 41/2021/AL về chấm dứt hôn nhân thực tế.*

*- Căn cứ: khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị T về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản.*

*1. Xác định: Thừa đất số 42, tờ bản đồ 74 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Diện tích thực tế đang sử dụng 59,7 m, địa chỉ đất: số 05 Trần Quý C, tổ 2, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai có giá trị 1.611.900.000 đồng là di sản của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị T mỗi người để lại di sản có trị giá là 800.950.000 đồng.*

*2. Tài sản trên đất: 01 nhà 01 tầng + 01 gác lửng là tài sản của bà Đoàn Thị Ánh T.*

*Về chia di sản của ông Đoàn Văn T cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đoàn Văn T gồm: Bà Nguyễn Thị T, bà Đoàn Thị T và bà Đoàn Thị Ánh T và chia di sản của bà Nguyễn Thị T cho bà Đoàn Thị Ánh T thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị T theo giá trị tài sản mỗi người được nhận như sau: Bà Đoàn Thị T được nhận thừa kế tài sản của ông Đoàn Văn T có giá trị là 266.983.300 đồng.*

*3. Bà Đoàn Thị Ánh T được nhận thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị T 800950.000 đồng + được nhận thừa kế tài sản của ông Đoàn Văn T 266.983.300 đồng + được nhận phần thừa kế tài sản của ông Đoàn Văn T mà Nguyễn Thị bà T1 được nhận là 266.983.300 đồng + được nhận 10.000.000 đồng công sức tôn tạo, gìn giữ làm tăng giá trị đất. Tổng số tiền là 1.344.916.600 đồng.*

*4. Giao cho bà Đoàn Thị Ánh T có quyền sử dụng đất và có quyền sở hữu nhà tại 05 Trần Quý C, tổ 2, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Cụ thể: Thừa đất số 42, tờ bản đồ 74 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Diện tích thực tế đang sử dụng 59,7 m, địa chỉ đất: số 05 Trần Quý C, tổ 2, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, có tứ cận: Hướng đông giáp đường Trần Quý C, kích thước 11,11m; Hướng tây giáp đất chưa xác định được chủ có kích thước 0,69 m; giáp đất bà Phượng có kích thước 1,56 m; giáp đất*

ông Tiệp có kích thước 3,33 m và giáp đất bà Mẫn có kích thước 5,89 m.; Hướng nam giáp đất bà Xuân, kích thước 5,24m; Hướng bắc giáp đất ông Diện, kích thước 5,41m (có sơ đồ kèm theo). Tài sản trên đất: 01 nhà 01 tầng + 01 gác lửng.

5. Bà Đoàn Thị Ánh T được nhận tài sản nên phải trả lại cho bà Đoàn Thị T giá trị phần mà bà Đoàn Thị T được hưởng thừa kế di sản của ông Đoàn Văn T số tiền là 266.983.300 đồng.

6. Bác yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T về yêu cầu được hưởng di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T.

7. Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị M về yêu cầu xác định đất, nhà tại 05 Trần Quý C, tổ 2, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là tài sản chung của ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị M. Bà Đoàn Thị Ánh T có quyền và có nghĩa vụ theo quy định của luật đất đai.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 29/02/2024, nguyên đơn bà Đoàn Thị T có đơn kháng cáo cho đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại nhà và đất; chấp nhận cho bà được hưởng ½ di sản của bà Nguyễn Thị T; không cho bà Đoàn Thị Ánh T được hưởng tiền công sức tôn tạo.

\* Ngày 29/02/2024, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Ánh T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng tiền công sức tôn tạo, bảo quản tài sản thừa kế.

\* Ngày 29/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho bà ½ tài sản chung của bà với ông Đoàn Văn T.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

\* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Trong vụ án này bà Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà và đất tại số 05 Trần Quý C, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; bà Trần Thị M có đơn yêu cầu độc lập đề nghị xác định 1/2 nhà và đất trên là của bà. Do vậy đây là vụ án Tranh chấp về thừa kế và chia tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Tranh chấp về thừa kế là chưa đầy đủ.

[2]. Nhà và đất tại số 05 Trần Quý C, tổ 2, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai do ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị T tạo lập năm 1976. Năm 1993 ông T chết, ngày 06/6/2018 bà T1 chết. Nhà và đất nói trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nhưng được cơ quan có thẩm quyền khẳng định thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Do vậy đây là di sản theo quy định tại Điều 612 Bộ luật dân sự.

[3]. Bà Đoàn Thị T là con riêng của ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị M, căn cứ án lệ số 41/2014/AL thì kể từ năm 1970 ông T chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà M và lên Gia Lai chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị T có 01 con chung là bà Đoàn Thị Ánh T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người thừa kế của ông Đoàn Văn T gồm bà Đoàn Thị T (con chung của ông T và bà M), bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) và bà Đoàn Thị Ánh T (con chung của ông T và bà T1); xác định người thừa kế của bà Nguyễn Thị T là bà Đoàn Thị Ánh T là có căn cứ.

[4]. Về nội dung kháng cáo:

[4.1]. Xét kháng cáo của bà Đoàn Thị T, thấy rằng:

Bà T là con ruột của ông T với bà M. Quan hệ giữa bà T1 với bà T là mẹ kế và con riêng. Bà T không chứng minh được giữa bà với bà T1 có mối quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng nhau như mẹ con. Do vậy bà T không được hưởng di sản thừa kế của bà T1 theo quy định tại Điều 654 Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc được hưởng phần di sản của bà T1 là đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, bà T có yêu cầu định giá lại nhà, đất tại số 05 Trần Quý C, tổ 2, phường T2, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là di sản thừa kế. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành định giá lại, tuy nhiên kết quả định giá vẫn không thay đổi so với tại thời điểm xét xử sơ thẩm, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

Bà Đoàn Thị Ánh T là con của ông T và bà T1. Trong quá trình sống chung, bà Tuyết đã quản lý, xây dựng sửa chữa căn nhà trên đất là di sản thừa kế nên cần xem xét công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản. Do vậy bà Tuyết được trích phần công sức gìn giữ, tôn tạo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.2]. Xét kháng cáo của bà Trần Thị M, thấy rằng: Bà M cho rằng bà với ông T chung sống với nhau từ năm 1960 và có đăng ký kết hôn. Sau khi ông T chuyển lên Gia Lai sinh sống năm 1970 thì bà M có quan hệ tình cảm với người khác và lần lượt có con chung năm 1971, 1973, 1978 và 1981. Tuy vậy bà M không cung cấp được giấy kết hôn giữa bà với ông T và Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác minh nhưng không có kết quả. Mặt khác, bà M cũng không chứng minh được nhà và đất trên được hình thành trong thời kỳ ông T và bà M còn đang chung sống. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ án lệ số 41/2014/AL về chấm dứt hôn nhân thực tế, được công bố theo Quyết định số 42/QĐ-CA ngày 12/3/2021

của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao để không chấp nhận yêu cầu của bà M là có căn cứ pháp luật. Bà M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới có thể làm thay đổi bản chất vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận.

[4.3]. Xét kháng cáo của bà Đoàn Thị Ánh T, thấy rằng: Căn cứ vào tình hình thực tế, giá trị di sản và phần được hưởng thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm trích cho bà Tuyết được hưởng 10.000.000đ tiền công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị di sản là phù hợp.

[5]. Từ các phân tích tại mục [4.1], [4.2] và [4.3], Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án định giá lại tài sản và đã tạm nộp chi phí định giá là 2.700.000đ. Số tiền trên đã chi đủ cho công việc định giá tài sản. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nên căn cứ vào Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

[7]. Về án phí phúc thẩm: bà Trần Thị M là người cao tuổi, có đơn xin được miễn nộp tiền án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Những người kháng cáo khác phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị T, bà Đoàn Thị Ánh T và bà Trần Thị M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2024/QĐ-SCBSBA ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị T phải chịu 2.700.000đ chi phí định giá tài sản. Bà T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị T và bà Đoàn Thị Ánh T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001383 ngày 14/3/2024 và biên lai số 0001367 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà T và bà Tuyết đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku
- Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Chí Công**